

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
của nam nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Vượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Oanh; Ông Cầm X Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lã Thu Quỳnh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị X; sinh năm 2000; (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q; sinh năm 1996; (Vắng mặt)

Đều trú tại: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Lò Thị X trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị X và anh Hoàng Văn Q sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2014 tại bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu ở nhà mẹ đẻ chị X. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị X và anh Q không đăng ký kết hôn theo Q định của pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức ăn hỏi NH chưa tổ chức cưới.

Quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm tới năm 2017 chị X và anh Q có con chung, từ khi có con chung mâu thuẫn gia đình càng trở nên phức tạp về quan điểm sống, sinh hoạt trong gia đình, chị X cho rằng anh Q sống không có trách nhiệm thường xuyên uống rượu, say rượu anh chửi mắng, xúc phạm và đuổi đánh chị X dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Từ tháng 10/2019 chị X không còn chung sống cùng anh Q nữa, để chấm dứt mọi quan hệ với anh Q chị X yêu cầu Tòa án giải không công nhận chị và anh Q là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải Quyết về con chung

Về con chung, chị X và anh Q có một con chung cháu Hoàng Tuấn H, sinh ngày 23/02/2017 chị X có nguyện vọng nuôi con chung và không đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Q và ông bà nội từ tháng 10/2019 âm lịch đến nay anh Q không cho chị X thăm con.

Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Hoàng Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q công nhận về thời gian sống chung và không đăng ký kết hôn như chị X trình bày là đúng. Anh Q cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị X không chịu khó làm ăn, chăm lo, vun vén cho gia đình mà thường xuyên bỏ con cái đi chơi. Trong thời gian chung sống từ năm 2016 đến nay anh Q đi làm thuê ở Quảng Ninh và một số nơi khác mỗi năm chỉ về thăm nhà một đến hai tháng, hàng tháng anh Q gửi tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để ông bà nội nuôi con, bản thân chị X thì về ở với mẹ đẻ, anh Q trình bày mặc dù không còn chung sống NH anh Q còn tình cảm nên vẫn muốn được chung sống cùng chị X, chị X giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải Quyết ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng chị X và anh Q có một con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Tuấn H, sinh ngày 23/02/2017. Anh Q không nhất trí để chị X nuôi con vì chị X thường xuyên bỏ con cái đi chơi, hiện nay con chung đang ở cùng anh Q. Anh Q thu nhập khoảng 10 đến 12 triệu đồng ổn định từ công việc thợ xây nên anh Q không đề nghị chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Từ khi nhận thông báo thụ lý vụ án anh Q không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo đúng Q định của pháp luật. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Kết quả xác minh: anh Q và chị X sống chung với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Tòa án lập biên bản hòa giải về con chung, chị X và anh Q đã thống nhất thỏa thuận việc nuôi con giao con chung cháu Hoàng Tuấn H, sinh ngày 23/02/2017 cho anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị X và anh Q không không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện T Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 18/9/2020 anh Q vắng mặt không có lý do, phiên tòa được hoãn và ấn định mở lại vào ngày 24/9/2020 anh Q vắng mặt có lý do.

Tại phiên tòa, chị Lò Thị X giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về con chung theo biên bản hòa giải ngày 28/8/2020 về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các Q định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng Q định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các Q định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 7 Điều 28; Điểm Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, 15 Khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không công nhận chị Lò Thị X và anh Hoàng Văn Q là vợ chồng. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị X và anh Q: Anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Tuấn H, sinh ngày 23/02/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Q không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: do các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Q định của pháp luật. Tuy nhiên do đương sự sinh sống ở vùng có điều kiện khó khăn, tại phiên tòa đương sự xin miễn án phí, Hội đồng xét xử nhận thấy đương sự thuộc trường hợp được xem xét miễn án toàn bộ án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm Qền: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn theo Q định tại khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn là anh Hoàng Văn Q có hộ khẩu thường trú tại bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu, xác định vụ án thuộc thẩm Qền giải Quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải Quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải như vậy nguyên đơn đã chấp hành đúng Q định của Bộ luật tố tụng dân sự

Anh Hoàng Văn Q quá trình giải Quyết có mặt, có bản tự khai và tham gia đầy đủ phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn anh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lần thứ hai, như vậy đương sự đã chấp hành đúng Q định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Q vắng mặt có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn Q.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Lò Thị X và anh Hoàng Văn Q sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến nay NH không đăng ký kết hôn theo Q định của pháp luật, đã vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên không làm phát sinh Qền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Sống chung như vợ chồng đến năm 2017 chị X và anh Q phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã đánh đập, chửi bới nhau. Sau khi sinh con từ năm 2017 đến nay chị X và anh Q đã không còn sống chung như vợ chồng. Nay chị X có yêu cầu ly hôn, xét thấy anh Q và chị X không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Lò Thị X và anh Hoàng Văn Q là vợ chồng.

[4]. Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng chị X và anh Q có một con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Tuấn H, sinh ngày 23/02/2017. Chị X và anh Q thỏa thuận: Anh Q là người trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Tuấn H, sinh ngày 23/02/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Q không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện phù hợp nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận

[5]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Lò Thị X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo Q định của pháp luật. Tuy nhiên, do chị X sinh sống ở vùng có điều kiện khó khăn, tại phiên tòa chị X xin miễn án phí, Hội đồng xét xử nhận thấy đương sự thuộc trường hợp được xem xét miễn án toàn bộ án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị X.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Các Điều 143, 147, điều 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 14, 15 Khoản 2 Điều 53, **Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận chị Lò Thị X và anh Hoàng Văn Q là vợ chồng.

- **Về con chung:** **Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa Chị X và anh Q:** Giao cháu Hoàng Tuấn H, sinh ngày 23/02/2017 cho anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải Quyết.

Chị Lò Thị X có Qền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho nguyên đơn là chị Lò Thị X.

Trả lại cho chị Lò Thị X tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị X đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0000213 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tỉnh Lai Châu.

3. Về Qền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo Q định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Than Uyên
- Chi cục THA dân sự huyện T
- Các đương sự
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Vượng